TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:72/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trí

Ông Thái Bình Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu N, sinh năm 1978; Số CCCD 074178006265 cấp ngày 01/9/2021; Địa chỉ: Số A - A, đường T, khu phố G, phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Trọng T, sinh năm 1977; Số CCCD 074077005310 cấp ngày 12/8/2021; Địa chỉ: Số nhà A, đường N, khu phố C, phường C, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Bùi Thị Thu N trình bày:* Bà Bùi Thị Thu N và ông Trần Trọng T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2024 ngày 09/7/2024. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi và không còn có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng giờ đây không còn tình cảm và không còn muốn sống

chung cùng nhau, vợ chồng đã sống ly thân với nhau 01 năm nay và ông Trần Trọng T đã về sống với cha mẹ ông Trần Trọng T, không quan tâm gì đến gia đình. Ngày 10/6/025 vợ chồng thuận tình ly hôn và ông Trần Trọng T ký vào đơn thuận tình ly hôn nhưng sau đó ông T bỏ đi không chịu lên Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng không có con chung.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Trọng T;

Về con chung: Không có con chung không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Trọng T không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ.*

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu N được ly hôn với ông Trần Trọng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Bà Bùi Thị Thu N có đơn xin ly hôn với ông Trần Trọng T. Như vậy, quan hệ pháp luật là: "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Trần Trọng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Trọng T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Bùi Thị Thu N và ông Trần Trọng T, tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2024 ngày 09/7/2024 đây là

hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Bùi Thị Thu N cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi và không còn có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng giờ đây không còn tình cảm và không còn muốn sống chung cùng nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau và ông Trần Trọng T không quan tâm gì đến gia đình tình cảm vợ chồng. Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn ông Trần Trọng T không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, thể hiện bị đơn ông Trần Trọng T vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó, hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị Thu N và ông Trần Trọng T trong khai thời gian sống chung không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thu N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu N về việc "Ly hôn" đối với bị đơn là ông Trần Trọng T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu N được ly hôn với ông Trần

Trọng T.

1.2. Về con chung: Các đương sự khai không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thu N nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001760 ngày 04/07/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự (hoặc người đại diện đương sự) có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS Khu vực 15 T hành phố HCM)
- UBND phường Chánh Hiệp, TP.HCM
- Đương sự;
- Lưu: HS, Vp.